TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG** Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST Ngày: 29-12-2025 *V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xoa và bà Đồng ThịMây.
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân vực 10 – Thành phố Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hải Phòngtham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 255/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi conkhi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2025giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Thanh N, sinh ngày 26/12/1989; CCCD số: 019189000897; địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh ngày 25/11/1989; CCCD số: 0300089005280; địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng.

(Chị N, anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chịNga trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn, được UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương(nay là xã A, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 02/12/2008. Sau khi kết hôn anh chịchung sống hầu như không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn trở lên trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, xô xát. Anh chị dù sống chung nhà nhưng mỗi người một ý, không quan tâm, không thể nói chuyện được với nhau, nhưng vì con còn nhỏ nên chị đã chịu đựng cho đến nay. Gia đình hai bên đều biết việc anh chị xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân và đã tiến hành hoà giải nhưng

không có kết quả tích cực.Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chịđề nghị Tòa án giải quyết cho chịđược ly hôn với anh T.

*Về con chung:*Anh C 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 27/9/2009 (giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30/6/2017 (giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp được nuôi dưỡngcháu D, đểanh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 đến khi con chung trưởng thành. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đồng/tháng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, vay nợ chung:*Chịkhông yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn – anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị Thanh N kết hôn trên trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào tháng 12/2008 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh chịở nhờ trên đất của em trai anh T. Trong quá trình chung sống, anh chị có nhiều ý kiến trái chiều, thời điểm mâu thuẫn đỉnh điểm vào khi nào thì anh không nhớ rõ. Nay chị N làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh thì anh đề nghị chị N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc con chung. Trong trường hợp chị N kiên quyết xin ly hôn với anh thì đó là quyền của chịNga, anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh với chị N vẫn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, không quan tâm, chia sẻ, nói chuyện gì với nhau.

Về con chung: Anh chịcó 02 con chung như chị N trình bày trên. Trường hợp anh chị ly hôn, nguyện vọng của con chung ở với bố hay ở với mẹdo các cháu tự quyết định, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh đang có nhà ở và mức thu nhập trung bình là 15.000.000 đồng/tháng nên bảo đảm được điều kiện về kinh tế và chỗở. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản xác minh với phó Trưởng thôn Phù Tải 1, xã A, thành phố Hải Phòng *– ông* Nguyễn Đức B *cung cấp:*

Chị Tạ Thị Thanh N và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tựnguyện và được tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống tại nhà riêng, tại Thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng. Việc mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của anh chị như thế nào thì ông không nắm rõ vì anh chị không báo cáo với địa phương. Anh chịcó 02 con chung là các cháu gái, hiện nay đang ở chung nhà cùng với chịNga và anh T.

Theo bản trình bày ý kiến của cháu Nguyễn ThịThu D1 *và cháu* Nguyễn Thanh T1*:*Các cháu đều xác định trong cuộc sống, bố mẹ các cháu có mâu thuẫn và các cháu đều không muốn bố mẹ ly hôn. Trong trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn, cháu D1 xin được ở với mẹ, cháu T1 xin được ở với bố.

Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn – chị N vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, không có quan điểm thay đổi hoặc bổ sung ý kiến gì khác.

*Bị đơn – anh T dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn không chấp hành đầy đủquyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệphí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ ThịThanh N1 xử cho chịTạ Thị Thanh N2 ly hôn anh Nguyễn Đức T.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 27/9/2009 (giới tính: Nữ) cho chị N2; giao cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30/6/2017 (giới tính: Nữ) cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khicác con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ:* Chị N2 và anh T không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* ChịTạ Thị Thanh Nga phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh T có nơi cư trú tại thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025 (gọi tắt là BLTTDS). Anh Tú vắng mặt tại phiên toà lần thứ2 không có lý do, chị N2 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bịđơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* ChịTạ Thị Thanh Nga và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên xác định hôn nhân của anh chịlà hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chịNga và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị có những ý kiến trái chiều, bất đồng quan điểm dẫn đến hai bên không hoà hợp trong đời sống hôn nhân, đôi lúc còn xảy ra cãi vã, xô xát. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh T đều

vắng mặt tại các buổi làm việc, các buổi hòa giải. Điều đó thể hiện anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Anh chị tuy chung sống một nhà nhưng việc ai nấy làm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N2, xửcho chịNga ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hônnhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung:*Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 27/9/2009 (giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30/6/2017 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu D đã hơn 14 tuổi, cháu T1 đã hơn 8 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu D nguyện vọng được ở với mẹ, cháu T1 nguyện vọng được ở với bố. Xét nguyện vọng của chị N2 và của anh T về việc nuôi con, để đảm bảo sựổn định và phát triển tốt nhất của các cháu, cần giao cháu D cho chị N2, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N2, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, cần chấp nhận sự tự nguyện này của chịNga, anh T.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* ChịNga và anh T đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xửkhông xem xét.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn - chịNga phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụQuốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* ChịNga và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệphí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chịTạ ThịThanh N2.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chịTạ Thị Thanh N2 ly hôn anh Nguyễn Đ.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 27/9/2009 (giới tính: Nữ - Số ĐDCN: 030309016050) cho chị N2; giao cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30/6/2017 (giới tính: Nữ - Số ĐDCN: 030317010792) cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dụcđến khicon chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N2, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: ChịTạ Thị Thanh Nga phải chịu 300.000 đồng án phí hônnhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phíTòa án ký hiệu BLTU/25E số0004482ngày 20/10/2025, chịNga đã thựchiện xong nghĩa vụ vềán phí.

3. Về quyền kháng cáo: ChịNga và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Hải Phòng;
- UBND xã An Thành, thành phố Hải Phòng (theo GCNKH số 129 ngày 02/12/2008 do UBND xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cấp);
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc